

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ D
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Hồng Nga;

2. Ông Dương Thanh Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1183/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Phương D, sinh năm 1982; thường trú: Số 104A, khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh L, sinh năm 1972; thường trú: Số 13/20, khu phố Thắng Lợi 2, phường D, thị xã D, tỉnh B; chỗ ở: Số 12/20, khu phố Thắng Lợi 2, phường D, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị R; thường trú: 393 khu phố Đồng An, phường B, thị xã T, tỉnh B; chỗ ở: Số 12/20, khu phố Thắng lợi 2, phường D, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 10 năm 2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Phương D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L tìm hiểu nhau một thời gian rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh B vào ngày 23/4/2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2008, quyển số 01. Thời gian đầu sống chung cuộc sống vợ chồng anh chị khá hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và trở nên trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Trần Thanh L không chăm sóc cho gia đình, vợ chồng thường xuyên tranh cãi và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị

Phan Thị Phương D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh L.

- Về con chung: Chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L có 01 con chung là Trần Phan Thành Đ, sinh ngày 03/11/2005. Sau khi ly hôn chị Phan Thị Phương D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Trần Thanh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở với mẹ chồng chị D là bà Nguyễn Thị R.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn anh Trần Thanh L:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu anh Trần Thanh L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Phan Thị Phương D nhưng anh Trần Thanh L không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Trần Thanh L vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào. Vào ngày 11/3/2019 và ngày 29/3/2019, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án, anh Trần Thanh L được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Phương D.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R trình bày:

Trong cuộc sống chung giữa chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L có mâu thuẫn, tranh cãi nhau nhưng không lớn, đến năm 2015 khi vợ chồng tranh cãi chị Phan Thị Phương D bỏ nhà đi từ đó đến nay. Chị D và anh L có 01 con chung tên Trần Phan Thành Đ, sinh ngày 03/11/2005. Sau khi chị D và anh L ly thân, không còn sống chung nhà thì cháu Đạt vẫn ở với bà Nguyễn Thị R và do bà trực tiếp chăm sóc. Chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L có gửi tiền nuôi cháu Đạt. Nếu Tòa giải quyết cho chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L ly hôn, bà Nguyễn Thị R có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Phan Thành Đ.

- Biên bản xác minh ngày 12/12/2018 của Tòa án nhân dân thị xã D tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh B thể hiện: Hội Liên hiệp phụ nữ phường D không tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải về quan hệ hôn nhân hay thông tin về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L trong thời gian anh, chị chung sống tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 11/3/2019 và ngày 29/3/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định. Về nội D: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Phan Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Trần Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa ngày 29/3/2019 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2008, quyển số 01, ngày 23/4/2008 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Phan Thị Phương D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, anh Trần Thanh L không chăm lo cho gia đình nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài. Mâu thuẫn giữa chị D và anh L cũng được thể hiện qua lời khai của mẹ ruột anh L là bà Nguyễn Thị R trong quá trình giải quyết vụ án, thực tế hiện nay anh chị không còn sống chung và quan tâm đến nhau. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trần Thanh L đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị D, tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Trần Thanh L không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của chị D, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và anh L cũng không muốn hàn gắn tình cảm với chị D, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng chị D và anh L, yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Phương D là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung tên là Trần Phan Thành Đ, sinh ngày 03/11/2005. Sau khi ly hôn, chị Phan Thị Phương D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy trong quá trình tố tụng anh Trần Thanh L không có ý kiến về vấn đề con chung và cháu Trần Phan Thành Đ không lựa chọn ở với cha hay với mẹ mà sẽ theo quyết định của Tòa án. Bà Nguyễn Thị R là bà nội của cháu Trần Phan Thành Đ có nguyện vọng được nuôi cháu, tuy nhiên quyền và nghĩa vụ chăm sóc con là của cha, mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận giao cháu Trần Phan Thành Đ, sinh ngày 03/11/2005 cho chị Phan Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Phương D về việc không yêu cầu anh Trần Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Thanh L có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Phương D được ly hôn với anh Trần Thanh L (Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2008, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường D, thị xã D, tỉnh B cấp ngày 23/4/2008).

2. Về con chung: Buộc anh Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị R giao cháu Trần Phan Thành Đ, sinh ngày 03/11/2005 cho chị Phan Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Thị Phương D về việc không yêu cầu anh Trần Thanh L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Phan Thị Phương D và anh Trần Thanh L đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Phương D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0020474 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND P.D, TX.D, tỉnh B(1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Thị Uyên

